

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO THẮNG  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 04-10-2019  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lương Tuất M.
2. Ông Lê Xuân Cương.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Q - Sinh năm: 1974.

*Địa chỉ:* Thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L - Sinh năm: 1975.

*Nơi đăng ký hộ khẩu:* Thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai;

*Nơi ở:* Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2019 và bản tự khai ngày 01/8/2019, chị Nguyễn Thị Q trình bày: chị và anh Nguyễn Văn L chung sống như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L hay đi làm xa, không quan tâm đến vợ con và gia đình, anh chị không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm, xảy ra cãi nhau và cuộc sống không hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2001 thì chị Q và anh L không còn chung sống như vợ chồng, mỗi người một nơi và không quan tâm đến nhau nữa. Chị Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh L ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 02/8/2019 và ngày 23/9/2019, anh Nguyễn Văn L xác nhận việc anh và chị Q chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là đúng sự thật. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nên đã không còn chung sống cùng nhau từ năm 2001 đến nay,

anh xét thấy tình cảm không còn. Nay chị Q xin ly hôn với anh thì anh cũng nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Q ly hôn.

Về con chung: Chị Q và anh L đều xác nhận, quá trình chung sống anh, chị có một con chung là cháu Nguyễn Văn H - Sinh ngày: 09/3/1996, hiện tại cháu H trên 18 tuổi và bị khuyết tật trí tuệ nặng, đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội tại địa phương, cháu H không có khả năng lao động và sống phụ thuộc chị Q. Anh L nhất trí để chị Q được nuôi dưỡng cháu H sau khi ly hôn vì hiện tại chị Q đang sử dụng tài sản chung là nhà đất của chị và anh L để chị và cháu H sinh sống, chị Q yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 600.000 đồng/tháng và anh L nhất trí.

Về con riêng: Chị Q và anh L xác nhận, trong thời gian anh chị không còn chung sống như vợ chồng thì chị Q có một con riêng là cháu Nguyễn Duy M - Sinh ngày: 05/01/2010. Cháu M bị khuyết tật trí tuệ và đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội tại địa phương, cháu M không có khả năng lao động và sống phụ thuộc chị Q. Anh, chị đều thống nhất xác định đây là con riêng của chị Q mà không phải là con chung vì anh chị không đăng ký kết hôn và không chung sống cùng nhau từ năm 2001 đến nay. Việc chị Q sinh cháu M thì anh L không được biết và không liên quan. Chị Q và anh L đều đề nghị Tòa án xác định cháu M là con riêng của chị Q theo quy định và để chị Q tiếp tục nuôi dưỡng cháu, anh chị không tranh chấp về vấn đề này và không có ý kiến gì khác.

Về tài sản chung: Chị Q và anh L có tạo dựng được một số tài sản chung nhưng anh, chị sẽ thỏa thuận tự chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh L và chị Q xác nhận, trong thời gian không còn chung sống như vợ chồng thì chị Q có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay từ năm 2016 đến năm 2021. Chị Q trình bày đây là khoản tiền chị vay riêng, anh L không liên quan và không ký tên trong các giấy tờ của Ngân hàng nên chị có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng khi đến hạn. Do khoản nợ chưa đến hạn nên chị Q và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với vụ án này, Tòa án không hòa giải về quan hệ hôn nhân vì các đương sự không đăng ký kết hôn. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và hòa giải về việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung, con riêng sau khi ly hôn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Q khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn L đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật, chị Q và anh L đều đăng ký hộ khẩu tại xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh L đều xác nhận chung sống như vợ chồng từ năm 1993 nhưng từ đó đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị Q cũng đã có đơn và được UBND xã X xác nhận chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn L không có dữ liệu về việc đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L hay đi làm xa, không quan tâm đến gia đình, anh chị không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm. Từ đó xảy ra cãi nhau, cuộc sống không hòa thuận, hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không khác phục được. Anh chị không còn chung sống như vợ chồng từ năm 2001. Mâu thuẫn của anh, chị đã được địa phương xác nhận là đúng sự thật. Tại phiên tòa, chị Q giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh L và anh L cũng nhất trí ly hôn với chị Q. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống anh, chị có mâu thuẫn và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên yêu cầu xin ly hôn không được chấp nhận mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn L theo quy định tại Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Q và anh L đều xác nhận, quá trình chung sống anh, chị có một con chung là cháu Nguyễn Văn H - Sinh ngày: 09/3/1996, hiện tại cháu H trên 18 tuổi và bị khuyết tật trí tuệ, mức độ khuyết tật nặng và đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội tại địa phương (Giấy xác nhận khuyết tật ngày 23/12/2013). Anh L nhất trí để chị Q được nuôi dưỡng cháu H sau khi ly hôn, vì vậy cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Văn H cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc giáo dục. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu H là 600.000 đồng/tháng.

[4] Về con riêng: Chị Q và anh L xác nhận, trong thời gian anh chị không còn chung sống như vợ chồng thì chị Q có một con riêng là cháu Nguyễn Duy M - Sinh ngày: 05/01/2010, cháu M bị khuyết tật trí tuệ, mức độ khuyết tật nặng và đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội tại địa phương (Giấy xác nhận khuyết tật ngày 05/01/2017). Anh, chị đều thống nhất xác định đây là con riêng của chị Q mà không phải là con chung và để chị Q tiếp tục nuôi dưỡng cháu M. Chị Q đã cung cấp bản sao giấy khai sinh của cháu M, trong đó chỉ ghi họ tên mẹ là Nguyễn Thị Q mà không có tên người cha. Tòa án cũng đã lập biên bản liên quan đến việc chị Q và anh L từ chối giám định ADN để xác định huyết thống cha con giữa cháu M và anh L, hơn nữa sức khỏe của cháu M yếu, không thể đi lại đường xa. Chị Q và anh L đều đề nghị Tòa án xác định cháu M là con riêng của chị Q theo quy định vì anh chị không đăng ký kết hôn, chỉ chung sống như vợ chồng mấy năm, sau đó anh L chuyển đi nơi khác sinh sống, việc chị Q sinh cháu M năm 2010 thì anh L không biết. Chị Q cũng đã có đơn và được địa phương xác nhận về việc chị và anh L không chung sống cùng nhau và anh L không ở địa phương từ năm 2001 đến nay. Vì vậy cần xác định cháu Nguyễn Duy M là con riêng của chị Q và giao cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu.

[5] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án thì chị Q và anh L đều không đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung mà anh, chị tự thỏa thuận, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về công nợ: Anh L và chị Q xác nhận, trong thời gian không còn chung sống như vợ chồng thì chị Q có vay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay từ năm 2016 đến năm 2021. Chị Q xác nhận đây là khoản vay riêng và có trách nhiệm trả nợ khi

đến hạn, số vay vốn Ngân hàng cũng không có tên anh L, hơn nữa do khoản nợ chưa đến hạn nên chị Q và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn L.

2. Về con: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi dưỡng chăm sóc con sau khi ly hôn, cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Văn H - Sinh ngày: 09/3/1996 (cháu H bị khuyết tật trí tuệ, mức độ khuyết tật: nặng); anh L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Văn H là 600.000 đồng/tháng.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về con riêng: Chị Nguyễn Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con riêng là cháu Nguyễn Duy M - Sinh ngày: 05/01/2010 (Cháu M bị khuyết tật trí tuệ, mức độ khuyết tật: nặng).

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000122 ngày 01/8/2019, chị Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- Đương sự (2);
- Chi cục THADS Bảo Thắng ;
- Lưu HS, TA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoàng Liên**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- Đương sự (2);
- Chi cục THADS Bảo Thắng ;
- Lưu HS, TA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoàng Liên**



